



THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK
THUẾ CƠ SỞ 1 TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103 /TCS1-NVDTPC
V/v tuyên truyền, phổ biến điểm mới
của Luật Thuế thu nhập cá nhân
số 109/2025/QH15

Tân An, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ kinh doanh,
cá nhân kinh doanh trên địa bàn Thuế cơ sở 1 tỉnh Đắk Lắk

Ngày 10/12/2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 (gọi tắt là Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15). Luật này gồm 4 Chương, 29 Điều và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, riêng các quy định liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026. Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã kế thừa những nội dung cơ bản của Luật Thuế TNCN trước đây, đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về cải cách hệ thống thuế nói chung và chính sách thuế TNCN nói riêng.

Để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn Thuế cơ sở 1 tỉnh Đắk Lắk kịp thời nắm bắt những quy định mới của Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15; Thuế cơ sở 1 tỉnh Đắk Lắk tuyên truyền, phổ biến một số nội dung như sau:

1. Về thu nhập chịu thuế

Tại Điều 3 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã bổ sung một số khoản thu nhập chịu thuế như sau:

1.1. Đối với thu nhập từ kinh doanh (Khoản 1)

Bổ sung: Thu nhập từ hoạt động đại lý, môi giới, hợp tác kinh doanh với tổ chức; Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số.

1.2. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công (Khoản 2)

Bổ sung: Tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức.

1.3. Đối với các khoản thu nhập khác (Khoản 3)

Bổ sung: Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”; thu nhập từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các bon; thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá theo quy định của pháp luật; thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng. Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng.

2. Về thu nhập được miễn, giảm thuế

- Tại Điều 4 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã bổ sung các khoản thu nhập được miễn thuế sau:

+ Thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản.

+ Tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định của pháp luật.

+ Thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu kết quả giảm phát thải khí nhà kính của cá nhân được công nhận kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các bon của cá nhân được cấp tín chỉ các bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng lần đầu trái phiếu xanh sau khi phát hành.

+ Thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại, chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam; cá nhân tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc.

+ Thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của cá nhân là chủ doanh nghiệp tư nhân, cá nhân là chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- Tại Điều 5 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 cũng đã bổ sung nhiều trường hợp miễn thuế, giảm thuế khác như:

+ Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao thuộc các trường hợp theo quy định.

+ Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

+ Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán được nắm giữ từ 02 năm trở lên kể từ ngày mua.

+ Giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với lợi tức của nhà đầu tư cá nhân được chia từ quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư bất động sản thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán trong thời hạn do Chính phủ quy định.

3. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú

Tại Điều 7 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã sửa đổi nhiều quy định về thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú. Cụ thể như sau:

3.1. Về ngưỡng doanh thu không phải nộp thuế TNCN (Khoản 1)

Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế TNCN.

3.2. Về phương pháp tính thuế (Khoản 2)

Thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân cư trú có doanh thu năm trên mức 500 triệu đồng/năm được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất. Trong đó:

- Thu nhập tính thuế = doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ (-) đi chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế;
- Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng: thuế suất 15%;
- Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 03 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: thuế suất 17%;
- Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 50 tỷ đồng: Thuế suất 20%.

(Mức thuế suất trên tương đương với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025).

3.3. Về việc lựa chọn phương pháp tính thuế đối với cá nhân có doanh thu năm từ 500 triệu đến 03 tỷ đồng (Khoản 3)

Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên mức 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng được lựa chọn nộp thuế theo quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 7 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 hoặc nộp thuế theo thuế suất nhân (x) với doanh thu tính thuế. Trong đó:

- Doanh thu tính thuế được xác định bằng phần doanh thu vượt trên mức 500 triệu đồng/năm.
- Thuế suất: Phân phối, cung cấp hàng hóa áp dụng thuế suất 0,5%; dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu áp dụng thuế suất 2%, riêng cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp áp dụng thuế suất 5%; sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu áp dụng thuế suất 1,5%; hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số áp dụng thuế suất 5%; hoạt động kinh doanh khác áp dụng thuế suất 1%.

3.4. Phương pháp tính thuế đối với cá nhân cho thuê bất động sản (Khoản 4)

Cá nhân cho thuê bất động sản, trừ hoạt động kinh doanh lưu trú, nộp thuế TNCN được xác định bằng phần doanh thu vượt trên mức doanh thu 500 triệu đồng/năm (x) với thuế suất 5%.

4. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú

Theo quy định tại Điều 20 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15: Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú được xác định bằng doanh thu từ hoạt động kinh doanh nhân (x) với thuế suất. Trong đó:

- Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cá nhân được hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền, bao gồm cả chi phí do bên mua hàng hoá, dịch vụ trả thay cho cá nhân không cư trú mà không được hoàn trả.

- Thuế suất: Phân phối, cung cấp hàng hóa áp dụng thuế suất 1%; dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu áp dụng thuế suất 5%; hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo áp dụng thuế suất 5%; sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu và hoạt động kinh doanh khác áp dụng thuế suất 2%.

5. Về biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công

Tại Điều 9 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 quy định biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công gồm 5 bậc với các mức thuế suất là: 5%, 10%, 20%, 30%, và 35%.

6. Về mức giảm trừ gia cảnh

Giảm trừ gia cảnh là số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của người nộp thuế là cá nhân cư trú. Theo quy định tại Điều 10 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15, mức giảm trừ gia cảnh đã được điều chỉnh tăng đáng kể so với trước đây, cụ thể:

- Đối với người nộp thuế: Mức giảm trừ là 15,5 triệu đồng/tháng (186 triệu đồng/năm).

- Đối với mỗi người phụ thuộc: Mức giảm trừ là 6,2 triệu đồng/tháng.

7. Về ngưỡng thu nhập để xác định thu nhập tính thuế đối với một số khoản thu nhập

Trước đây, cá nhân có thu nhập từ trúng thưởng, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ nhận thừa kế, quà tặng nộp thuế với thuế suất 10% trên phần thu nhập vượt 10 triệu đồng. Tuy nhiên, Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã điều chỉnh nâng ngưỡng thu nhập tính thuế đối với một số khoản thu nhập nêu trên lên 20 triệu đồng (Nội dung quy định từ Điều 15 đến Điều 18, Điều 25, Điều 26).

8. Về thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân cư trú

Trước đây, thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là *thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật*. Tuy nhiên, Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã quy định thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản là *thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật hoặc thời điểm đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu bất động sản*. (Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 14).

9. Về thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Tại khoản 1 Điều 13 và khoản 1 Điều 23 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 vẫn giữ nguyên phương pháp tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn là xác định bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất 20% theo từng lần chuyển nhượng (thu nhập tính thuế được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan); đồng thời bổ sung thêm phương pháp tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn trong trường hợp không xác định được giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng vốn, theo đó thuế TNCN đối

với thu nhập từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán nhân với thuế suất 2% (quy định này áp dụng thống nhất cho cả cá nhân cư trú và không cư trú).

10. Về thuế TNCN đối với thu nhập khác

- Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá theo quy định của pháp luật, chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các bon, được xác định bằng phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh (x) với thuế suất 5% (theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 1 Điều 27 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15).

- Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số và chuyển nhượng vàng miếng được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1% (theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 2 Điều 27 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15).

Trên đây là nội dung tuyên truyền, phổ biến một số điểm mới của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15. Thuế cơ sở 1 tỉnh Đắk Lắk gửi Công văn này đến các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn để các đơn vị nghiên cứu và thực hiện. Trong thời gian tới, Thuế cơ sở 1 tỉnh Đắk Lắk sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nhằm giúp tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện hiệu quả, đúng quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc xin vui lòng liên hệ cán bộ quản lý trực tiếp thuộc các tổ chuyên môn thuộc Thuế cơ sở 1 tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: số 90 Ngô Thị Nhậm, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk để được hướng dẫn, hỗ trợ:

- Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 1, điện thoại: 02623.950672;
- Tổ Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp 2, điện thoại: 02623.951888;
- Tổ quản lý, hỗ trợ hộ cá nhân kinh doanh 1, điện thoại: 02623.951789;
- Tổ quản lý, hỗ trợ hộ cá nhân kinh doanh 2, điện thoại: 02623.3950670;
- Tổ quản lý, hỗ trợ hộ cá nhân kinh doanh 3, điện thoại: 02623.3950671;
- Tổ Quản lý các khoản thu khác, điện thoại: 02623.950667 – 02623.950557./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thuế tỉnh Đắk Lắk (thay b/c);
- UBND các xã, phường (phối hợp);
- Lãnh đạo Thuế cơ sở 1;
- Các tổ;
- Zalo Thuế cơ sở 1 tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: VT, NVDTPC (Thúy).

**KT. TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ**



Nguyễn Hữu Liên

Toàn văn Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025

